



ĐỀ CƯƠNG

cho tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP
ngày 14/01/2013 của Chính phủ
Kế hoạch số 95 /KH-UBND ngày 30/ 7/2020 của UBND tỉnh

Phần thứ I

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác triển khai Nghị quyết

a) Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 08-NQ-TW và Nghị quyết số 16/NQ-CP (ghi rõ những hình thức tuyên truyền, phổ biến, số cuộc, số người tham dự ...).

b) Công tác cụ thể hóa các Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ thành Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch hành động gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị (tên, số lượng, nội dung văn bản)

c) Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết.

2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thể dục thể thao

a) Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực thể dục thể thao.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý, các đơn vị sự nghiệp thể dục thể thao.

c) Xây dựng, đổi mới cơ chế, chính sách trong lĩnh vực thể dục thể thao:

- Trong huy động các nguồn lực để đầu tư, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên và xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao.

- Trong hỗ trợ tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào hoạt động thể dục thể thao và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, công nghệ thể dục thể thao.

- Trong phát triển kinh tế thể thao, khuyến khích hoạt động kinh doanh, sản xuất, tổ chức dịch vụ thể dục, thể thao.

- Trong sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên.

d) Xây dựng cơ chế, chính sách phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao trong quản lý, điều hành các hoạt động thể dục thể thao; xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao.

e) Hướng dẫn và kết quả thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều

chỉnh quy hoạch đất cho hoạt động thể dục thể thao, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện thể dục, thể thao của nhân dân giai đoạn 2011 - 2020.

f) Chỉ đạo, triển khai thực hiện đấu tranh phòng chống tiêu cực trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học

a) Việc đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục thể chất, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên.

b) Kết quả công tác giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa và phát triển các hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

c) Công tác thành lập và hoạt động của các câu lạc bộ thể thao trường học, thực hiện chương trình phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh phổ thông.

d) Công tác phát triển các trường, lớp năng khiếu thể thao nhằm phát hiện, đào tạo tài năng thể thao quốc gia.

e) Công tác bồi dưỡng, phát huy năng lực của đội ngũ giáo viên thể dục, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục, thể thao trường học.

f) Công tác đầu tư xây dựng, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác giáo dục thể chất trong nhà trường và việc sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

g) Đánh giá vai trò, trách nhiệm, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học nói riêng, phục vụ thực hiện chiến lược xây dựng con người và phát triển văn hóa nói chung.

4. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao quần chúng

a) Công tác phát triển đa dạng các loại hình tổ chức tập luyện thể dục thể thao, phát triển các câu lạc bộ thể dục, thể thao cấp cơ sở, dịch vụ tập luyện thể dục thể thao; công tác đào tạo và xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở; công tác bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục thể thao.

b) Quan tâm, phát triển phong trào thể dục, thể thao trong các đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật, công chức, viên chức và người lao động.

c) Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ.

d) Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thể dục, thể thao công cộng.

5. Nâng cao hiệu quả đào tạo tài năng thể thao

a) Xây dựng, đào tạo và phát triển lực lượng vận động viên thể thao thành tích cao nói chung và các môn thể thao trọng điểm.

b) Công tác tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, nâng cao thành tích thể thao.

e) Công tác bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước đầu tư phát triển cơ sở

c) Đổi mới tổ chức, quản lý thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp; đẩy mạnh việc huy động nguồn lực của xã hội cho phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp

d) Công tác giáo dục văn hóa, chính trị tư tưởng, đạo đức, tác phong cho huấn luyện viên, vận động viên, hạn chế tiêu cực, bạo lực trong thi đấu thể thao.

e) Công tác bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho đào tạo, huấn luyện thi đấu thể thao

6. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

a) Công tác đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý, nghiên cứu khoa học, y học thể thao, phục vụ tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, chữa trị phục hồi chức năng và đảm bảo dinh dưỡng cho vận động viên.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được.

2. Hạn chế, tồn tại

3. Nguyên nhân:

- Phân tích nguyên nhân của những mặt đã đạt được.

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

4. Những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết.

III. BẢNG BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU (Phụ lục kèm theo)

Phần thứ II KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất đối với UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Kiến nghị, đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần chỉ đạo thực hiện để phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trong giai đoạn 2021-2030.

2. Các kiến nghị, đề xuất khác.

Nơi nhận:

.....;

Lưu: tại đơn vị

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN TDTT QUẦN CHÚNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu Năm	Số người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên hàng năm (tỷ lệ % dân số)		Số gia đình luyện tập TDTT thường xuyên		Ghi chú
		Toàn tỉnh, thành phố	Vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Toàn tỉnh, thành phố	Vùng đồng bào dân tộc và miền núi	
1	2011					
2	2012					
3	2013					
4	2014					
5	2015					
6	2016					
7	2017					
8	2018					
9	2019					
10	2020					

ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 5: Tổng hợp số cộng tác viên thể dục, thể thao giai đoạn 2011-2020

TT	Chỉ tiêu Năm	Số cộng tác viên TĐTT		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nữ	
1	2011			
2	2012			
3	2013			
4	2014			
5	2015			
6	2016			
7	2017			
8	2018			
9	2019			
10	2020			

ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 6: TỔNG HỢP CƠ SỞ, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TDTT GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

ĐVT: Cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Cơ sở, tổ chức hoạt động TDTT người khuyết tật	Cơ sở hoạt động TDTT, CLB thể thao (không nhằm mục đích kinh doanh)	Cơ sở kinh doanh TDTT	Ghi chú
	Năm				
1	2011				
2	2012				
3	2013				
4	2014				
5	2015				
6	2016				
7	2017				
8	2018				
9	2019				
10	2020				

ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục 7: Tổng hợp xã, phường, thị trấn dành đất cho hoạt động
TDTT giai đoạn 2010-2020**

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Xã, phường, thị trấn dành cho hoạt động TDTT	Xã, phường, thị trấn có bể bơi, sân bóng đá, nhà tập luyện TDTT	Ghi chú
	Năm			
1	2011			
2	2012			
3	2013			
4	2014			
5	2015			
6	2016			
7	2017			
8	2018			
9	2019			
10	2020			

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

Phụ lục 9. Tổng hợp huấn luyện viên và trọng tài thể thao thành tích cao
Giai đoạn 2011-2020

ĐVT: Người

TT	Chỉ tiêu Năm	Huấn luyện viên			Trọng tài			Ghi chú
		Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1.	2011							
2.	2012							
3.	2013							
4.	2014							
5.	2015							
6.	2016							
7.	2017							
8.	2018							
9.	2019							
10.	2020 (ước đạt)							

